

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/06/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+GTC1+RP1	7:25	2+2+18	0+0+0		0+1+21	0+0+0	
2		RP3+RC4+PVD1	7:25	19+3+0	0+0+0		9+8+5	0+0+0	
3		RC3+RC4+RCDM	7:25	12+3+7	0+0+0		3+4+5	0+0+0	chuyen 8 RC4-Rcdm
4		VSP02+TD5+TD1	7:25	16+6+0	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
5		RC6+RP3 + RP2	9:25	5+16 + 0	0+0		5+16 + 1	0+0	
6		BK4+BK16+RP1	9:25	14+0+7	0+0+0		0+7+13	0+0+0	
7		BK5+BK6+CTC1	9:25	0+11+6	0+0+0		2+3+5	0+0+0	chuyen 1 bk5-bk6, 2 bk5-ctc1
8		RP3+MRM+BK9	9:25	22+0+0	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
9		RP3+P10+P3	11:25	12+5+4	0+0+0		12+4+6	0+0+0	
10		P2+AMD+P4	11:25	18+2+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	chuyen 1 p2-amd
11		RC5+CLI+VSP02	11:25	7+0+14	0+0+0		7+0+14	0+0+0	chuyen 1 CLI-VSP02

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày VSP02-4 ng, RP3-9 ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2022	TO: TD2 - GTC1 - RP1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: XANH-1	FROM: VT	CREW: CHIEN - MTHAO - QTruong	ETA: 09:10

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU THE HUNG	TD2	31	1	12		63	KHOAN	Vietnamese
2	BUI MANH PHUC	TD2	30	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUU TAN	GTC1	81	1	11	15	75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU NGOC CANH	GTC1	79-80	2	18	30	84	CODIEN	Vietnamese
5	LE HUY TAM	RP1	04	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN TUAN ANH	RP1	09	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGOC LONG	RP1	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	VO VAN DONG	RP1	22	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG TIN	RP1	12	1	13	13	93	KH-THAC	Vietnamese
10	DO VAN THANH	RP1	10	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NANG	RP1	06	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG VU NHAT VINH	RP1					80	KH-THAC	Vietnamese
13	VU BA NEP	RP1	07	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LE TRI KHANH	RP1	02	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM XUAN TRUONG	RP1	13	1	14	15	75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET BANG	RP1	05	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG THONG	RP1	03	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VIET HUNG	RP1	01	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN BUI NAM	RP1	11	1	7	8	83	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG TRONG GIAO	RP1	15	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TANG THANH DAN	RP1	08	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN TRONG HIEU	RP1	21	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

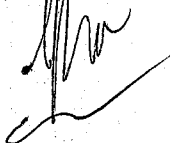
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	2	2	18	138	0	0		
2	GTC1	2	3	29	159	45	1		
3	RP1	18	17	113	1.325	36	21		
TOTAL		22	22	160	1.622	81	22		
WEIGHT KG				160	1.622	81			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP3 - RC4 - PVD1	CREW: VThắng - Mạnh - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRI CHUNG	RP3	76	1	4	80	52	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN QUOC KHIEM	RP3	79	1	5	60	90	KH-THAC	Vietnamese
3	DO QUANG TO	RP3	69	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH DONG	RP3	77-78	2	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LE TRONG LINH	RP3	73	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG SOAI	RP3	70	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
7	DAO VIET HAI	RP3	96	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN SY DIEP	RP3	74	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN VAN CAN	RP3	75	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHUONG THI THANH DUC	RP3	67	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH MINH	RP3					72	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN PHUONG CAO	RP3	80	1	5		66	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH BINH	RP3					69	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN THI THANH HA	RP3					50	KHI	Vietnamese
15	HO XUAN LAM	RP3	81	1	2		78	KHI	Vietnamese
16	LE THAI HIEN	RP3	269-271	3	20		68	KHI	Vietnamese
17	LE DUC KHUONG	RP3					60	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VIET PHONG LUU	RP3	71-72	2	20		81	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN KHAC SON	RP3	867	1	10	18	58	XAYLAP	Vietnamese
20	HUYNH MINH SANG	RC4	37	1	3	20	80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC TU	RC4	11	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TIEN	RC4	25	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

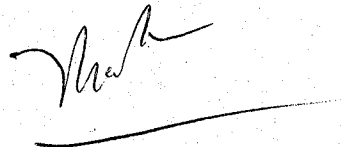
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	19	106	1.313	158	9		
2	RC4	3	3	13	222	20	8		
3	PVD1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	22	119	1.535	178	22		
WEIGHT KG				119	1.535	178			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2022	TO: RC3 - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHU - LHải - thông	ETA: 09:20
NAU-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ PHÚC HOANG	RC3	57	1	10		88	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN VUI	RC3	64-65	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐOÀN XUÂN DƯƠNG	RC3	70	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ XUÂN VIỆT	RC3	61	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ DANH NGỌC	RC3	68-69	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
6	HÒA QUANG THẮNG	RC3	71-72	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LUÔNG ĐỨC DÂN	RC3	59-60	2	14		70	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐÀO QUỐC HÙNG	RC3	56-57	2	18	30	65	XAYLAP	Vietnamese
9	HA VĂN TRƯỜNG	RC3	62	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY KHANH	RC3	58	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM THANH NAM	RC3	63	1	18	15	70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN KIẾN	RC3	56	1	7		60	GETRACO	Vietnamese
13	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RC4	60-61	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VĂN MẠNH	RC4	64	1	6	10	82	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN ĐẮC THỪA	RC4	62-63	2	6		70	PSV	Vietnamese
16	HOANG HỮU SƠN	RCDM	74-75	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HẢI	RCDM	79	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
18	TÔ TIẾN DŨNG	RCDM	82-83	2	17	18	78	KH-THAC	Vietnamese
19	HUỖNH MINH TRÍ	RCDM	81	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	RCDM	77-78	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HAI TRUNG	RCDM	76	1	4		63	PSV	Vietnamese
22	HỒ TRỌNG BẰNG	RCDM	80	1	6		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	12	17	155	809	45	3		CHUYỂN 08 PAX TỪ RC4 SANG RCDM
2	RC4	3	5	24	222	10	4 + 8		
3	RCDM	7	10	64	462	18	5		
TOTAL		22	32	243	1.493	73	12		
WEIGHT KG				243	1.493	73			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2022	TO: VSP02 - TD5 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Phong - ĐNam - NNam	ETA: 09:25
TRANG - 1 <i>A</i>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC NAM	VSP02					82	D-HANH	Vietnamese
2	TRẦN THỊ THU HA	VSP02	84	1	2		52	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HOÀN	VSP02					66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM TRUNG SÔNG	VSP02	38	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
5	POKLONSKI	VSP02	86	1	2		80	KH-THAC	Russian
6	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	41	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH THẢO	VSP02	37	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02				20	79	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	89	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	40	1	11		57	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	85	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	94	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ QUỐC TRÌNH	VSP02	39	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HUY NAM	TD5	84-85	2	10		67	CODIEN	Vietnamese
17	LẠI MINH HOÀNG	TD5	82-83	2	19		73	CODIEN	Vietnamese
18	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD5	91	1	14		77	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THỦ	TD5	92-94	3	18		68	DVL	Vietnamese
20	LƯU BA XÔ	TD5	89-90	2	15	60	79	DVL	Vietnamese
21	HOÀNG ĐĂNG THIÊN	TD5	95	1	10		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

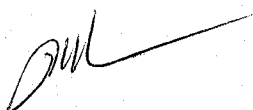
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	15	10	47	1.048	20	12		
2	TD5	6	11	86	437	60	5		
3	TD1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	21	133	1.485	80	22		
WEIGHT KG				133	1.485	80			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: RC6 - RP3 - RP2	CREW: CHIEN - MTHAO - QTruong	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG TUYEN	RC6	53	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HAN	RC6	55	1	5	28	80	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUAN TU	RC6	56	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUC NHAN	RC6	51-52	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
5	KIEU MINH QUYET	RC6	54	1	5		67	PSV	Vietnamese
6	CAO DUC THANH	RP3	39	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
7	SHEREMENTIEV	RP3	53	1	9	80	80	KHI	Russian
8	PONOMARENKO E.N.	RP3	54	1	10		85	KHI	Russian
9	IMAEV V.H.	RP3	52	1	5		78	KHI	Russian
10	TRAN QUY HAI	RP3	50	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH TUNG	RP3	51	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	DANG HAI HA	RP3	40	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN HUU MAU	RP3	49	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
14	DUONG CHUNG THUY	RP3	38	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HIEN	RP3	47	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN DONG	RP3	46	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	HUYNH TAN NGON	RP3	42	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN TIEN	RP3	48	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI DUC THUAN	RP3	44	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
20	LE CONG HUNG	RP3	45	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM QUOC CHE	RP3	41	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN MINH	RP3	43	1	10		88	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

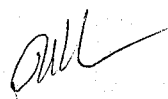
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	5	6	40	378	28	5		
2	RP3	17	17	98	1.247	80	16		
3	RP2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	23	138	1.625	108	22		
WEIGHT KG				138	1.625	108			

GRAND TOAL: 1.871 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2022	TO: BK4 - BK16 - RP1	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VThắng - Mạnh - Vũ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUƠNG MINH KIẾN	BK4	74	1	11	10	62	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN THẮNG	BK4	86	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM ĐÌNH DŨNG	BK4	87	1	9		71	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẠO ĐÌNH CƯỜNG	BK4	83	1	9		76	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG ĐÌNH	BK4	85	1	14		55	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN QUYÊN	BK4	94-95	2	16		65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH PHÚC	BK4	96-97	2	15		52	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG PHÚC	BK4	88-89	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN KHẮC THO	BK4	90-91	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN LONG	BK4	75	1	15	41	66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN CÁNCH CHUNG	BK4	92	1	15	18	48	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN DŨNG	BK4	72	1	12	15	79	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ QUANG DUƠNG	BK4	71	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HIỀN	BK4	84	1	13		61	XAYLAP	Vietnamese
15	KLY	RP1	31-32	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	30	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG NHẬT THANH	RP1	27	1	16		79	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN LIÊN	RP1	28-29	2	7		66	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VĂN SƯU	RP1	25	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DỰ	RP1	23-24	2	8		75	YTE	Vietnamese
21	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	26	1	5		89	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	14	18	195	894	84	0		
2	BK16	0	0	0	0	0	7		
3	RP1	7	10	61	526	0	13		
TOTAL		21	28	256	1.420	84	20		
WEIGHT KG				256	1.420	84			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: BK5 - BK6 - CTC1	CREW: VTHU - LHai - thông	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN QUYỀN	BK6	34-35	2	14		66	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI VĂN THIẾT	BK6	01	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT DŨNG	BK6	16	1	10	30	63	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SƠN	BK6	30-31	2	14		63	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VĂN HỒNG	BK6	32-33	2	17		95	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM TIẾN ĐẠT	BK6	41	1	10	14	60	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC TIÊM	BK6	83-84	2	21		80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG CHUNG	BK6	79,36	2	19		56	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH KIẾT	BK6	51-52	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HÙNG	BK6	53-54	2	25		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHỄ	BK6	54	1	4		63	PSV	Vietnamese
12	ĐẶNG NGỌC CUƠNG	CTC1	02	1	9		71	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG BA THĂNG	CTC1	01	1	19		62	XAYLAP	Vietnamese
14	LE THANH LẠC	CTC1	03	1	10	30	55	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	CTC1	36	1	10	13	71	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẠO HỮU TUYẾN	CTC1	34	1	10	17	68	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG QUYỀN	CTC1	42	1	10	13	62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	0	0	0	0	15	3	2	CHUYEN 1 PAX BK5-BK6, CHUYEN 1 PAX BK5-CTC1
2	BK6	11	17	159	747	44	3		
3	CTC1	6	6	68	389	73	5		
TOTAL		17	24	227	1.136	132	11		
WEIGHT KG				227	1.136	132			

GRAND TOAL: 1.495 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2022	TO: RP3 - MRM - BK9	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Linh Dzung - Doan	ETA: 13:35
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ THANH LAM	RP3	30	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH BINH	RP3	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH QUANG THANH	RP3	24	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	35	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN HOI	RP3	34	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM TRAN HUU PHUC	RP3	23	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DINH HO	RP3	26	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	DIỆP XUÂN PHONG	RP3	61-62	2	10	30	70	KHI	Vietnamese
9	CHAKANOV V.G.	RP3	21-22	2	10		73	KHI	Russian
10	KHÔNG TIEN DUNG	RP3	63	1	5		75	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HỒNG LINH	RP3	27	1	4		77	KHI	Vietnamese
12	ĐỖ QUỐC PHONG	RP3	36	1	8		77	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN PHUC	RP3	59-60	2	10		77	KHI	Vietnamese
14	ĐỖ QUỐC VŨ	RP3	29	1	10		55	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN CONG KHOAI	RP3	28	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
16	DƯƠNG SY CHIEN	RP3	16	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN GIA HIEU	RP3	18-19	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN TUNG	RP3	37	1	7		59	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN PHU NAM	RP3	20	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM VĂN NAM	RP3	17	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI TRỌNG TRIU	RP3	31-32	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ XUÂN LẬP	RP3	25	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

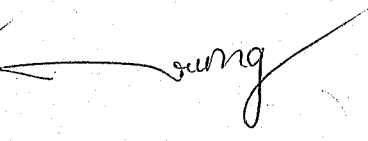
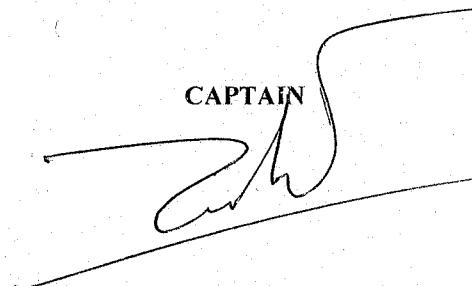
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	27	193	1.521	30	17		
2	MRM	0	0	0	0	0	4		
3	BK9	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	27	193	1.521	30	22		
WEIGHT KG				193	1.521	30			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2022	TO: RP3 - P10 - P3	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:00
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LHải - VTHU - thông	ETA: 13:40
TIM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN LONG	RP3	04	1	11	90	65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH HÙNG	RP3	03	1	17		74	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ HUY DUÂN	RP3	01-02	2	20		61	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN KIẾN	RP3	68	1	5		69	KHI	Vietnamese
5	LÊ PHƯƠNG ĐẠT	RP3	71	1	7		67	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TÂN HOÀNG	RP3	70	1	4		66	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TẤT KHANH	RP3	95,65-66	3	20		71	KHI	Vietnamese
8	VŨ DUY PHƯƠNG	RP3	67	1	5		58	KHI	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	RP3	73	1	10		68	KHI	Vietnamese
10	VŨ PHI HỒ	RP3	69	1	10		82	KHI	Vietnamese
11	KHUÔNG VĂN ĐỊNH	RP3	72	1	10		63	KHI	Vietnamese
12	TRẦN VĂN THĂNG	P10	22	1	5	20	73	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ BAO TRUNG	P10	19	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	P10	21	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN MINH	P10	23	1	5		90	PSV	Vietnamese
16	ĐẠO VĂN DŨNG	P10	20	1	4		70	PSV	Vietnamese
17	TRẦN SƠN TÙNG	P3	36	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ NGỌC HIỆP	P3	41-43	3	20		80	CODIEN	Vietnamese
19	VŨ ĐỊNH NAM	P3	39-40	2	16		67	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH DANH	P3	37-38	2	11		55	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

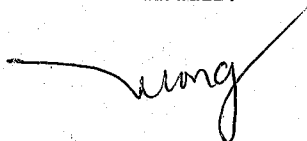
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	14	119	744	90	12		
2	P10	5	5	26	395	20	4		
3	P3	4	8	54	269	0	6		
TOTAL		20	27	199	1.408	110	22		
WEIGHT KG				199	1.408	110			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

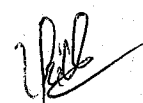
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	TO: P2 - AMD - P4	CREW: CHIẾN - MTHAO - DTùng	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO QUANG THIẾT70-1-10	P2	97	1	15		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BÀ TIỀN	P2	83	1	12	6	65	XAYLAP	Vietnamese
3	LƯU QUANG NGHỊ	P2	63	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI THANH LONG	P2	57,67	2	12		85	XAYLAP	Vietnamese
5	LƯU MẠNH TIỀN	P2	98	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VAN BA	P2	99,900	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ NGỌC ANH	P2	92-93	2	20		89	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	P2	88-89	2	20		73	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN HÙNG	P2	96-97	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN KHẮC TUẤT	P2	64	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM MẠNH HAI	P2	84	1	13		62	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ QUỐC VƯƠNG	P2	82	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SANG	P2	90-91	2	20		76	XAYLAP	Vietnamese
14	HÀ XUÂN THANH	P2	65-66	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
15	HOÀNG THAI TÀI	P2	94	1	9	23	70	XAYLAP	Vietnamese
16	VUÔNG MAI	P2	80-81	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
17	CAO MINH CƯỜNG	P2	85	1	8		83	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT TIỀN	P2	86-87	2	9		63	XAYLAP	Vietnamese
19	STANLEY FUREY	AMD	97-99	3	19		104	BAB	British
20	MARK DAVID DA SILVA	AMD	96	1	7		105	BAB	British

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	27	244	1.289	29	17	AM	CHUYEN 1 PAX P2-AMD
2	AMD	2	4	26	209	0	0		
3	P4	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		20	31	270	1.498	49	22		
WEIGHT KG				270	1.498	49			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/06/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:00
FLIGHT: 11	TO: RC5 - CLI - VSP02	CREW: Linh - Duong - Toan	ETA: 16:00
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THANH HOP	RC5	03	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRINH VAN TIEN	RC5	06	1	5	60	86	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TOAN	RC5	05	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LA	RC5					68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN XUAN THANH	RC5	04	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
6	HO DINH LOC	RC5	02	1	7		77	PSV	Vietnamese
7	HO BINH TRONG	VSP02	55-56	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
8	HA MANH THANG	VSP02	48	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
9	TO VAN HUNG	VSP02	61	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LE XUAN BINH	VSP02	53	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC QUANG	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI HUY BINH	VSP02	49	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DINH DUONG	VSP02	54	1	5	20	65	KH-THAC	Vietnamese
14	CAO VAN KHA KHA	VSP02	59	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
15	DO TRUNG DUNG	VSP02	50-51	2	19		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HA	VSP02	47	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN CHIEN THANG	VSP02	58	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
18	VO TAN LINH	VSP02	57	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
19	VU THAI SON	VSP02	52	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI VAN THOI	VSP02					73	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

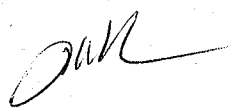
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	6	5	35	426	60	7		CHUYEN 1 PAX CLI-VSP02
2	CLI	0	0	0	0	0	0	1	
3	VSP02	14	14	84	959	20	15		
TOTAL		20	19	119	1.385	80	22		
WEIGHT KG				119	1.385	80			

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

